

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 570/2022/HNGĐ- ST

Ngày : 21/9/2022

V/v Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kim Thương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lâm Thuận Quang – Giáo viên Trường Tiểu học Võ Văn Tần.

2. Bà Võ Thị Xuân Đào – Cán bộ Nhà Thiếu Nhi Quận 6.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thùy Vân - Cán bộ Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh* tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị My Ly - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 385/2022/TLST-HNGĐ ngày 28/6/2022 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 121/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thanh M, sinh năm X; Địa chỉ thường trú: T, đường Đ, phường H, Thành phố D, tỉnh B. (Có mặt)

- Bị đơn: Ông Tô Đức L, sinh năm X; Địa chỉ thường trú: M, Phường I, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt tại phiên tòa, vắng mặt không lý do khi tuyên án).

Người làm chứng: Bà Trần Nghi N, sinh năm: Y

Địa chỉ thường trú: T, đường Đ, phường H, Thành phố D, tỉnh B. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/6/2022, bản tự khai và các lần hòa giải nguyên đơn là bà Phạm Thanh M trình bày:

Bà và ông Tô Đức L tự nguyện chung sống với nhau năm 2017, đăng ký kết hôn ngày 22/9/2017 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 147 của Ủy ban nhân dân Phường I, Quận S, TP. Hồ Chí Minh.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc thời gian ngắn. Do không hợp nhau về tính cách, lối sống nên từ giữa năm 2018 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trong công việc và mâu thuẫn giữa ông L với gia đình bà M. Đến giữa năm 2019 bà M quyết định ly hôn với ông L, nhờ mẹ ông L hàn gắn nên vợ chồng tiếp tục chung sống.

Sau khi có con vào giữa năm 2020, mâu thuẫn vợ chồng nhiều hơn, bà M và con về nhà cha mẹ ruột bà M, ông L về sống tại nhà M, Phường I, Quận S, không quan tâm đến bà M và con, hằng tháng chỉ đến chở con đi tiêm ngừa. Từ tháng 10/2021 ông L đến thăm con nhiều hơn nhưng vợ chồng vẫn không hàn gắn được. Nhận thấy, mâu thuẫn vợ chồng ngày một trầm trọng, không có tiếng nói chung, nay tình cảm không còn nên bà M xin ly hôn với ông L.

Về con chung: Có 01 con chung là trẻ Tô Kim N1, sinh ngày: Z, bà M yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Bà M xin được trực tiếp nuôi con vì trẻ N1 là con gái, chỉ mới 2 tuổi, ông L là nam rất bất tiện trong việc chăm sóc, cũng như giáo dục giới tính, sự phát triển tâm, sinh lý cho N1.

Hiện bà M đang làm việc cho Công ty TNHH TD với thu nhập là 15.000.000 đồng/tháng. Ngoài ra, bà M còn có thu nhập từ việc cho thuê 6 phòng trọ, tại địa chỉ T, đường Đ, phường H, Thành phố D, tỉnh B; Tiền cho thuê mỗi phòng trọ là 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm ngàn đồng)/tháng; Tổng tiền cho thuê phòng trọ là 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng)/tháng. Phòng trọ là do cha, mẹ bà M là ông Phạm Văn T và bà Trần Nghi N1 ủy quyền cho bà M cho thuê và toàn quyền sử dụng số tiền cho thuê. Do vậy, bà M hoàn toàn đủ điều kiện kinh tế để nuôi con, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Ngoài ra, với thời gian làm việc giờ hành chính từ 8h đến 17 giờ mỗi ngày, nơi làm việc gần nhà, bà M rất thuận tiện chăm sóc con. Về phía ông L thời gian làm việc thay đổi theo ca 06h-14h; hoặc từ 14h – 21h30; Hoặc 21h30 đến 6h sẽ làm ảnh hưởng các sinh hoạt hằng ngày của con. Việc ông L di chuyển từ SG đến tỉnh B và ngược lại để đi làm cũng không còn thời gian chăm con. Em gái và mẹ ông L có hỗ trợ ông L thì cũng không thể đầy đủ như chính sự chăm sóc của chính cha, mẹ. Ông L có nói với bà M rằng em gái ông L bị ung thư tuyến giáp phải mổ, sau mổ phải xạ trị hằng tuần, do đó em ông L không hỗ trợ ông L chăm con được, mẹ ông L cũng đã lớn tuổi.

Các đoạn ghi hình ông L cung cấp cho Tòa án được thực hiện khi N1 ở nhà ông L, có sự sắp xếp, không đảm bảo tính khách quan, bà M không đồng ý nội dung trong các clip ông L cung cấp cho Tòa án.

Hiện sức khỏe, sự phát triển của N1 là bình thường, không có việc N1 chậm nói hay có những tính xấu như ông L nêu. N1 ở với bà M ổn định tại tỉnh B từ khi sinh ra cho đến nay, do bà M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, để tránh xáo trộn cuộc sống của N1 bà M yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng N1.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Không có.

- *Tại bản tự khai và các lần hòa giải bị đơn ông Tô Đức L trình bày:*

Ông và bà Phạm Thanh M tự nguyện chung sống với nhau năm 2017, đăng ký kết hôn ngày 22/9/2017 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 147 của Ủy ban nhân dân Phường I, Quận S, TP. Hồ Chí Minh.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc, từ năm 2018 ông L mâu thuẫn với anh rể và cha ruột của bà M, dẫn đến vợ chồng không có tiếng nói chung. Sau khi bà M sinh con mâu thuẫn giữa ông L và cha bà M nhiều hơn, nên ông L ít đến thăm bà M

và con, chỉ đến chở con đi tiêm ngừa hằng tháng. Từ tháng 10/2021 nhờ mẹ ông L đến nói chuyện với gia đình bà M nên ông L được đến thăm con nhiều hơn. Ông L có khuyên nhủ bà M quay về nhưng bà M không đồng ý. Từ cuối tháng 5/2022 đến nay mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày một trầm trọng, mâu thuẫn giữa 02 bên gia đình cũng căng thẳng hơn, nay tình cảm không còn nên ông L đồng ý ly hôn với bà M.

Về con chung: Có 01 con chung là trẻ Tô Kim N1, sinh ngày: Z. Ông L xin được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu bà M cấp dưỡng nuôi con.

Ông L xin nuôi con vì các lý do sau:

- Ông L có điều kiện về kinh tế tốt hơn bà M. Hiện ông L đang đứng tên sở hữu nhà đất tại M, Phường I, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh; Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 894, Tờ bản đồ số 2, ấp P, xã R, huyện C, tỉnh E. Đồng thời, ông L đang trả góp tiền mua căn hộ theo Thỏa thuận đảm bảo quyền ưu tiên mua sản phẩm số CH-19-08/TFH/TECCO ngày 07/9/2021, ông L đã đóng được 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng); Và ông L có tài khoản chứng khoán với số tiền khoảng 230.000.000đ (Hai trăm ba mươi triệu đồng), các khoản tiền này là của cá nhân ông L không liên quan đến bà M.

- Ông L cùng mẹ, em gái ông L sẽ chăm sóc trẻ N1 tốt hơn bà M vì những lý do sau:

Ông L làm việc tại Chi nhánh Nhà máy sữa bột Việt Nam (thuộc Công ty Cổ phần sữa Việt Nam) từ năm 2012 đến nay, thu nhập bình quân mỗi tháng của ông L là từ 13.000.000 đồng đến 17.000.000 đồng. Giờ làm việc của ông L theo ca như 06h-14h; hoặc từ 14h – 21h30; Hoặc 21h30 đến 6h sáng, dù không được chọn cố định ca làm việc nhưng ông L có thể linh động chọn ca làm, đảm bảo việc chăm sóc con.

Trường hợp ông L trực tiếp nuôi con thì ông L và con sống tại nhà M, Phường I, Quận S. N1 sẽ học mẫu giáo tại Trường Mầm Non Rạng Đông 12, ông L trực tiếp chăm sóc con, đưa đón con đi học, khi ông L đi làm thì mẹ và em gái ông L sẽ chăm sóc N1.

Từ sau khi N1 về ở với ông L (ngày 25/6/2022 và những lần ông L đón N1 về chơi) thì ông L cùng mẹ, em gái đã dành thời gian chơi cùng N1 để phát triển khả năng giao tiếp, sửa các tật xấu của N1 như ngủ võng, mút tay, chân ngồi hình chữ W, đi vệ sinh trong tư thế đứng thẳng người, nghiện điện thoại, chậm nói. Những tật xấu này của N1 là do bà M không có kỹ năng làm mẹ, không dành thời gian cho con, bà M phải dùng điện thoại để thu hút sự chú ý của con. Ông L và gia đình thường cho N1 chơi các trò chơi đơn giản, các hoạt động ngoài trời như đi công viên vào buổi sáng để cai dần điện thoại cho N1.

Ngoài ra, mẹ ông L từng là giảng viên của Trường cao đẳng sư phạm ở BT, về hưu khoảng năm 2015, mẹ ông L có các kỹ năng sư phạm sẽ chăm sóc N1 tốt. Ba, mẹ bà M tuổi đã cao, mẹ bà M bị gãy chân chưa hồi phục nên không hỗ trợ được bà M chăm con. Ông ngoại của N1 thường xuyên nhậu nhẹt, say xỉn. Bà M không có thời gian dành cho con, hay cho N1 ở trong phòng với 04 bức tường và ti vi, ít tương tác với con dẫn đến con chậm nói.

- Khi ông L được trực tiếp nuôi con thì ông L sẽ không gặp cản trở từ cha của bà M trong việc ông L đến thăm, đưa đón con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên toà,

Nguyên đơn giữ nguyên các ý kiến trình bày nêu trên, đồng thời trình bày bổ sung:

Từ khi N1 sinh ra, các chi phí cho việc nuôi dưỡng N1 do bà M lo liệu, ông L có phụ bà M khoảng 5.000.000.000 đồng/tháng, có tháng có, tháng không, từ tháng 6/2021 đến tháng 11/2021 thì ông L không phụ giúp. Từ tháng 12/2021 ông L tiếp tục phụ giúp chi phí nuôi con đến tháng 6/2022 thì ngưng. Trong thời gian ông L không phụ giúp tiền nuôi con, bà M cũng không gặp khó khăn. Vì bà M đủ điều kiện kinh tế để tự nuôi con nên toàn bộ số tiền ông L phụ nuôi con bà M mở sổ tiết kiệm, hiện được khoảng hơn 40.000.000 đồng, khi con đủ 18 tuổi bà M sẽ đưa lại cho con.

Ngày 25/6/2022 ông L tự ý đến trường học chở N1 về nhà ông L ở Quận S, đây là lần đầu tiên N1 đến nhà ông L ở Quận S, lần đầu gặp em gái ông L và lần thứ 2 gặp bà nội, mọi thứ điều xa lạ với đứa bé 02 tuổi và quan trọng hơn là đầu tiên từ khi sinh ra N1 xa mẹ nên những biểu hiện hoảng sợ của N1 là không thể tránh khỏi. Bà M khẳng định N1 khỏe mạnh phát triển bình thường và cung cấp các clip N1 từ nhỏ đến nay về việc: N1 tập ăn, học chữ, ca hát, sinh hoạt, vui chơi... cho Tòa án.

Bị đơn giữ nguyên các ý kiến trình bày nêu trên, đồng thời trình bày bổ sung:

Ông L đề nghị Tòa án thu thập hồ sơ bảo hiểm xã hội, hồ sơ nộp thuế thu nhập cá nhân của bà M tại Bảo hiểm xã hội Thành phố D, Chi cục Thuế Thành phố D vì theo ông L mức lương 15.000.000 đồng bà M nêu là không đúng; Mức lương của bà M chỉ khoảng từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng/tháng; Có sự gian dối, giả tạo giấy tờ có dấu hiệu hình sự trong Hợp đồng lao động giữa bà M và công Ty TD là không đúng người đại diện theo pháp luật ký.

Ông L có phụ bà M chi phí nuôi con, khoảng 5.000.000 đồng/tháng, những tháng gần tết ông L phụ bà M nhiều hơn. Từ tháng 6/2021 đến tháng 11/2021 ông L không phụ bà M nuôi con. Sau khi hết dịch, từ tháng 12/2021 ông L tiếp tục phụ bà M nuôi con đến tháng 7/2022 thì ngưng vì bà M khởi kiện.

Ngày 25/6/2022 ông L chở N1 về nhà ông L tại Quận S thì thấy N1 có biểu hiện hay cáu gắt, không chơi chung với ai, sợ ánh sáng, khóc về đêm nên ngày 01/7/2022 ông L đưa N1 đi khám tại bệnh viện Nhi đồng 1 thì bác sĩ chẩn đoán N1 bị rối loạn phát triển đặc hiệu về lời nói và ngôn ngữ, theo ông L đây là những biểu hiện của trẻ bị tự kỷ, nguyên nhân N1 bị như vậy là do bà M không có kỹ năng làm mẹ. Ông L cung cấp cho Tòa án sổ khám sức khỏe của N1.

Về tài sản chung: Không có.

Theo văn bản ý kiến đề ngày 19/7/2022, ngày 21/9/2022 và tại phiên Tòa người làm chứng là bà Trần Nghi N trình bày:

Ông Phạm Văn T và bà Trần Nghi N là cha mẹ ruột của bà Phạm Thanh M. Nguyên thửa đất số 662a, tờ bản đồ số 03, địa chỉ: T, đường Đ, phường H, Thành phố D, tỉnh B thuộc quyền sử dụng của ông T, bà N theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 2764 QSDĐ/ĐH do UBND huyện D cấp ngày 01/9/2000. Trên đất này có nhà ông T, bà N đang ở cùng M, con của M là trẻ Tô Kim N1 và 15 phòng trọ đang cho thuê với giá 1.500.000.000 đồng/tháng. Ông T có đăng ký cho thuê phòng trọ tại đây theo Giấy chứng nhận đăng ký Hộ kinh doanh số 46G8019076 đăng ký lần đầu ngày

11/04/2013; Đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 12/03/2022 do Phòng tài chính kế hoạch Thành phố D cấp.

Ông T, bà N đã có hợp đồng ủy quyền cho bà M toàn quyền quản lý, trông nom thửa đất, toàn quyền quyết định giá thuê, phương thức thanh toán, thời hạn cho thuê, được nhận tiền cho thuê. Để cháu M có điều kiện nuôi con tốt hơn, ông T, bà N đồng ý tặng cho cháu M toàn bộ thu nhập từ việc cho thuê 06 căn phòng trọ mỗi tháng cho đến khi cháu ngoại Tô Kim N1 trưởng thành.

Cháu Tô Kim N1 đã ở cùng bà M, ông T, bà N từ khi N1 sinh ra cho đến nay, bà M chăm sóc nuôi dưỡng N1 rất tốt. Nhà ông, bà có sân vườn cho N1 chơi cùng những đứa trẻ ở các phòng trọ. Hiện sức khỏe, sự phát triển của N1 bình thường.

Phát biểu của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa:

Về tố tụng: Quá trình từ khi tòa án thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết: Ông Tô Đức L có đăng ký hộ khẩu thường trú và thực tế cư trú tại Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh. Nay bà M có đơn xin ly hôn nên Tòa án nhân dân Quận S thụ lý và giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên Tòa ông L đề nghị Tòa án thu thập hồ sơ bảo hiểm xã hội, hồ sơ nộp thuế thu nhập cá nhân của bà M tại Bảo hiểm xã hội Thành phố D, Chi cục Thuế Thành phố D vì cho rằng mức lương bà M nêu 15.000.000đồng/tháng là không đúng, mức lương của bà M chỉ khoảng từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng/tháng; Có sự gian dối, giả tạo giấy tờ có dấu hiệu hình sự trong hợp đồng lao động giữa bà M và công Ty TD, không phải do người đại diện theo pháp luật ký.

Bà M không đồng ý đề nghị nêu trên của bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến: Các đề nghị nêu trên của bị đơn là không thuộc phạm vi giải quyết của vụ án.

Hội đồng xét xử nhận thấy các đề nghị nêu trên của ông L là không cần thiết cho việc giải quyết vụ án. Bởi lẽ, ông L và bà M không yêu cầu người không trực tiếp nuôi con phải cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con. Do đó, việc xác định mức lương cụ thể của bà M trong vụ án này là không cần thiết. Trường hợp ông L cho rằng có dấu hiệu làm giả giấy tờ, có dấu hiệu hình sự thì ông L thực hiện quyền tố cáo tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định pháp luật, không thuộc phạm vi giải quyết của vụ án ly hôn này.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Phạm Thanh M và ông Tô Đức L tự nguyện chung sống có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 147, ngày 22/9/2017 của Ủy ban nhân dân Phường I, Quận S, TP. Hồ Chí Minh, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu của nguyên đơn: Bà M xin ly hôn ông L do cả hai không có tiếng nói chung, tình cảm không còn. Về phía ông L xác nhận, từ sau khi ông L chở con về Quận S vào ngày 25/6/2022 mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày một trầm trọng, giữa 02 bên gia đình cũng căng thẳng hơn, nay tình cảm không còn, ông L cũng đồng ý ly hôn với bà M. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận việc bà M và ông L đồng thuận ly hôn.

[3] Về con chung: Bà M và ông L có 01 con chung là trẻ Tô Kim N1, sinh ngày: Z, cả bà M và ông L cùng yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ N1 và không yêu cầu bên còn lại cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử nhận thấy, trẻ Tô Kim N1, sinh ngày: Z, tính đến ngày xét xử trẻ N1 dưới 36 tháng tuổi. Theo khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 quy định "...Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con."

Xét điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của bà M, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Theo bà M trình bày, hiện bà M đang làm việc cho Công ty TNHH TD, mức lương là 15.000.000 đồng/tháng. Ông L không thừa nhận, theo ông L mức lương của bà M chỉ khoảng từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng/tháng.

Từ khi N1 sinh ra đến nay, bà M là người trực tiếp nuôi dưỡng N1, số tiền ông L phụ bà M nuôi con, bà M mở thẻ tiết kiệm để cho N1 tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, số thẻ 09242905 hiện có 40.494.376 đồng.

Ngoài ra theo lời trình bày của người làm chứng là bà Trần Nghi N, cũng như các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ thể hiện tại địa chỉ T, đường Đ, phường H, Thành phố D, tỉnh B nơi bà M đang ở cùng cha mẹ ruột có 6 phòng trọ đang cho các hộ thuê gồm: Trần Văn S; Dương Tấn Q; Vũ Đình D; Nguyễn Thành A; Vũ Văn C; Lê Thị Ngọc B. Cha mẹ bà M là ông Phạm Văn T và bà Trần Nghi N hiện là chủ sử dụng quyền sử dụng đất nêu trên có ý kiến xác nhận, để bà M có điều kiện nuôi con tốt hơn, ông T và bà N đồng ý tặng cho bà M toàn bộ số tiền cho thuê 06 phòng trọ mỗi tháng, cho đến khi cháu Tô Kim N1 trưởng thành.

Như vậy, HĐXX có cơ sở xác định bà M có điều kiện về thu nhập để nuôi con.

Ông L cung cấp cho Tòa án các clip ghi hình chứng minh trẻ N1 ở với bà M có những tật xấu như ngủ vẹo, mút tay, chân ngồi hình chữ W, đi vệ sinh trong tư thế đứng thẳng người, nghiện điện thoại, ít nói, có dấu hiệu tự kỷ theo sổ khám sức khỏe của N1 tại bệnh viện Nhi đồng 1 ngày 01/7/2022 bác sĩ chẩn đoán N1 bị rối loạn phát triển đặc hiệu về lời nói và ngôn ngữ. Bà M không thừa nhận các nội dung ông L trình bày nêu trên và cung cấp cho Tòa án các clip về việc Ngân tập ăn, học chữ, ca hát, sinh hoạt, vui chơi... từ nhỏ đến nay.

Sau khi xem xét công khai tại phiên tòa các clip nguyên đơn và bị đơn cung cấp, Hội đồng xét xử nhận thấy, các clip ông L cung cấp được ghi hình trong thời gian ngắn, sự việc xảy ra 01 hoặc 02 lần trong một thời điểm nhất định, không phải sự lặp lại thường xuyên. Đối chiếu các clip, hình ảnh do bà M cung cấp về các sinh hoạt, ăn,

uống, nghỉ ngơi, vui chơi của N1, HĐXX nhận thấy lời trình bày của ông L về việc trẻ N1 ở với bà M có những tính xấu, tự kỷ là không có căn cứ.

Xét thấy, bà M có thu nhập, có sức khỏe, có nơi ở ổn định tại T, đường Đ, phường H, Thành phố D, tỉnh B. Trẻ N1 ở cùng bà M từ khi sinh ra đến nay, phát triển khỏe mạnh bình thường. Ông L không cung cấp được các tài liệu chứng cứ chứng minh bà M không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Bà M và ông L không có thỏa thuận khác về người trực tiếp nuôi con.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử nhận thấy giao con cho bà M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là thỏa đáng theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà M không yêu cầu ông Tô Đức L cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ông Tô Đức L có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con, yêu cầu hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên hoặc hạn chế quyền thăm nom con sau khi ly hôn.

[4] Về tài sản chung: Bà M và ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Bà M và ông L xác định không có.

[6] Về án phí: Bà Phạm Thanh M phải chịu án phí theo quy định tại điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 và Điều 85 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật thi hành án dân sự năm 2008 đã sửa đổi, bổ sung năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016).

TUYÊN XỬ:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Phạm Thanh M đối với ông Tô Đức L.

Giấy chứng nhận kết hôn số 147, ngày 22/9/2017 của Ủy ban nhân dân Phường

I, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Phạm Thanh M và ông Tô Đức L không còn giá trị pháp lý.

2/ Về con chung: Giao con chung tên Tô Kim N1, sinh ngày: Z cho bà Phạm Thanh M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Việc cấp dưỡng nuôi con: Bà Phạm Thanh M không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Ông Tô Đức L có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con, yêu cầu hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên hoặc hạn chế quyền thăm nom con sau khi ly hôn.

3/ Về tài sản chung: Bà Phạm Thanh M và ông Tô Đức L không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

4/ Về nợ chung: Bà Phạm Thanh M và ông Tô Đức L xác định không có.

5/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thanh M phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí mà bà M đã nộp theo biên lai thu số 0012293 ngày 28/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận S, TP. Hồ Chí Minh.

Bà Phạm Thanh M, ông Tô Đức L được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân Quận 6;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6;
- UBND P12, Q. 6, TP. HCM;
- Các đương sự;
- Lưu Văn phòng, hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Kim Thương